

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 4 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần La.

Bà Phan Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C – Phòng giao dịch T.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc Đình L – chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch T.

(Vắng mặt do có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Xuân Th trình bày:

Chị Th và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian khoảng hai năm, đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau nên anh T thường hay dùng vũ lực với chị Th nhưng để con cái có đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên chị Th đã cố gắng chịu đựng và tiếp tục sống chung với anh T. Đến năm 2017 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị Th đã nộp đơn xin ly hôn nhưng anh T hứa sẽ thay đổi nên chị Th rút lại đơn đề vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh T vẫn không chịu thay đổi mà thường hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, xúc phạm đến chị Th và anh em bên ngoại nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Đến tháng 12 năm 2018 chị Th đã dẫn cháu Nguyễn Hồng Ân Ph về nhà bố mẹ ruột của mình ở và sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, chị Th và anh T không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh T có 03 con chung gồm: Cháu Nguyễn Bình Thảo V, sinh ngày 26/03/2006; cháu Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Nguyễn Hồng Ân Ph, sinh ngày 12/02/2012. Hiện nay cháu V và Ph đang ở với anh T bên nhà nội còn cháu Nguyễn Hồng Ân Ph đang ở cùng với chị Th ở nhà bà ngoại. Sau khi ly hôn chị Th có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng Ân Ph cho đến khi đủ tuổi thành niên vì cháu bị bệnh khiếm thính từ nhỏ, còn hai cháu Nguyễn Bình Thảo V và Nguyễn Hồng Ph thì theo nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Theo đơn khởi kiện ban đầu chị Th có yêu cầu Tòa án chia tài sản và phân định nghĩa vụ trả nợ chung của hai vợ chồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Th đã rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản, nợ chung và không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

Anh T và chị Th kết hôn với nhau vào ngày 18/11/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong việc dạy dỗ con cái. Sau đó vợ

chồng lại hòa thuận và tiếp tục sống chung với nhau nhưng càng sống với nhau thì anh T thấy tính cách chị Th và anh T càng không hợp nhau. Đến khoảng tháng 6 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Th không lo làm ăn và chăm sóc con cái mà hay tụ tập bạn bè hát karaoke, lên mạng xã hội nhắn tin với người khác, nhiều lần anh T bắt gặp chị Th nhắn tin với người đàn ông khác qua mạng xã hội trên điện thoại nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã to tiếng với nhau. Anh T nghi ngờ chị Th có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng anh T đều bỏ qua để khỏi ảnh hưởng đến con cái. Đồng thời, anh T cũng đã nhiều lần nhờ gia đình bên ngoại tác động khuyên can và chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng chị Th vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra. Đến tháng 12/2018 anh T đã dẫn cháu Nguyễn Bình Thảo V và cháu Nguyễn Hồng Ph về nhà bố mẹ ruột của mình ở, còn chị Th sinh sống ở đâu anh T không biết, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn với nhau. Ngoài ra, do anh T là người theo đạo thiên chúa giao nên anh T không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy và chăm sóc con cái.

Về con chung: Anh T và chị Th có 03 người con chung gồm cháu Nguyễn Bình Thảo V, sinh ngày 26/3/2006; cháu Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 12/7/2008 hiện hai cháu đang sống với anh T; cháu Nguyễn Hồng Ân Ph, sinh ngày 12/02/2012 bị khiếm thính từ nhỏ đang sống với chị Th. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn với nhau thì anh T có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc Đình L trình bày:*

Vào ngày 08/11/2018 ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Xuân Th có vay của Ngân hàng N, huyện C – Phòng giao dịch T số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 5229LAV201802992, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận số AM 089625. Tuy nhiên, do khoản vay này chưa đến hạn trả nợ nên ngân hàng chưa yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Xuân Th về việc ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung giao hai cháu Nguyễn Bình Thảo V và cháu Nguyễn Hồng Ph cho anh Nguyễn Hữu T; giao cháu Nguyễn Hồng Ân Ph cho chị Nguyễn Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Về

cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với phần chia tài sản và nợ chung do chị Nguyễn Xuân Th rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Xuân Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 3, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Xuân Th và anh Nguyễn Hữu T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/11/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Th và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách và việc ứng xử trong sinh hoạt thường ngày dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xô sát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra nhiều năm, đã được gia đình can thiệp và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng căng thẳng hơn. Đến tháng 12 năm 2018 chị Th và anh T đã bỏ về nhà bố mẹ ruột của mình ở và sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Bình Thảo V, sinh ngày 26/03/2006; cháu Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Nguyễn Hồng Ân Ph, sinh ngày 12/02/2012. Hiện nay cháu Vân và Phúc đang ở với anh T và đều có nguyện vọng muốn ở với anh T, còn cháu Nguyễn Hồng Ân Ph đang ở cùng với chị Th và có nguyện vọng muốn ở với chị Th sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo nhu cầu tình cảm của vợ chồng và quyền lợi về mọi mặt của các con nên giao cháu Nguyễn Bình Thảo V và cháu Nguyễn Hồng Ph cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hồng Ân Ph cho chị Nguyễn Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do cả anh T và chị Th đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Th rút yêu cầu về phân chia tài sản và nợ chung nên Tòa án đình chỉ và trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Th. Anh Nguyễn Hữu T và Ngân hàng N không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên Tòa án không xem xét trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Xuân Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 217, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Xuân Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Xuân Th được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Bình Thảo V, sinh ngày 26/3/2006 và Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 12/7/2008 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Nguyễn Hồng Ân Ph, sinh ngày 12/02/2012 cho chị Nguyễn Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Không ai được cản trở việc thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Xuân Th. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về phân chia tài sản và nợ chung của chị Nguyễn Xuân Th.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Xuân Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0007287 ngày 20/12/2018. Trả lại cho chị Nguyễn Xuân Th số tiền 3.062.000đ (*ba triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản và nợ chung đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số

AA/2017/0007288 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định